TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm;

2. Ông Lê Phú Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 731/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HN ngày 30/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982;

Thường trú: 60A/3B khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tăng T, sinh năm 1977;

Thường trú: 60A/3B khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Tăng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 07 ngày 21/9/2012, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới.

Sau khi chung sống và kết hôn vợ chồng về sống tại nhà riêng của vợ chồng tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm

2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau về tính tình. Ngoài ra, anh T còn đánh bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh thường xuyên dọa nạt, đánh đập chị. Chị V đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị Nguyễn Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tăng T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Quỳnh Bảo T, sinh ngày 26/10/2011 và Nguyễn Quỳnh Bảo N, sinh ngày 24/8/2013, khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tăng T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết và yêu cầu anh Nguyễn Tăng T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị V nhưng anh T không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 29/12/2017 Tòa án triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đối với anh T nhưng anh vẫn vắng mặt hai lần liên tiếp, đồng thời cũng không có ý kiến và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện anh T đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị V. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tăng T theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Tăng T có địa chỉ thường trú tại phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 29/12/2017. Bị đơn anh Nguyễn Tăng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 22/02/2018 và ngày 14/3/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Tăng T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 21/9/2012, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của chị V thì thực tế cuộc sống vợ chồng của chị V và anh T có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau về tính tình. Ngoài ra thì anh T còn đánh bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh T thường xuyên dọa nạt, đánh đập chị V. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến tham gia hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn, vì vậy chị V yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Tăng T có hai con chung tên Nguyễn Quỳnh Bảo T, sinh ngày 26/10/2011 và Nguyễn Quỳnh Bảo N, sinh ngày 24/8/2013 chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hết hai con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét cháu T và cháu N còn nhỏ, là con gái nên cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, từ khi vợ chồng sống ly thân chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Anh T không có ý kiến về vấn đề con chung. Do vậy, việc giao hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn và đảm bảo tiếp tục duy trì cuộc sống bình thường về mọi mặt của các cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu anh Nguyễn Tăng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của chị V nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu Tòa án án giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Nguyễn Thị V với anh Nguyễn Tăng T

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Tăng T.

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Tăng T giao hai con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Bảo T, sinh ngày 26/10/2011 và Nguyễn Quỳnh Bảo N, sinh ngày 24/8/2013 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Tăng T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở chị V và anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị V về việc không yêu cầu anh Nguyễn Tăng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010118 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

7. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Tăng T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- CCTHA DS thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- UBND phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Thị Minh Châu